TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;
2. Ông Trần Văn Lĩnh.

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 525/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Ủy quyền ông Bùi Quang N, sinh năm 1956. (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 461A, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N trình bày:

Vào đầu năm 2021 do chỗ quen biết giữa bà H và ông T nên bà H có cho ông T mượn số tiền 99.900.000đ. Đến tháng 6/2021 bà H có liên hệ đòi tiền thì ông T có năn nỉ xin thời gian để bán đất trả nợ. Sau đó thì bà H có biết vợ ông T là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959 chết nên bà H có thông cảm cho thêm thời gian. Thế nhưng sau đó ông T có ký nhận số tiền nợ của bà H là 99.900.000đ và ông T có trả cho bà H số tiền 2.100.000đ, còn nợ lại số tiền 97.800.000đ, từ đó đến nay thì ông T không trả tiền như đã hứa nên bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà H số tiền 97.800.000đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai ghi ngày 04/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi có ký tên vào giấy thỏa thuận hẹn trả tiền với bà Trần Thị H nhưng thực tế tôi không có vay hay nợ tiền gì của bà H. Do sau khi vợ tôi là Nguyễn Thị B chết thì

bà H có đến gặp tôi nói rằng khi còn sống bà B có tham gia chơi hụi và có nhờ bà H vay tiền dùm số tiền 45.000.000đ, tổng cộng còn nợ lại bà H số tiền 99.900.000đ. Bà H có yêu cầu tôi ký tên hứa trả số tiền này hàng tháng, sau đó tôi có trả cho bà H được số tiền 2.100.000đ và không còn khả năng trả nợ tiếp, mục đích của việc ký tên là theo lời bà H nói là để các hụi viên khác làm tin mà tiếp tục đóng hụi cho bà H, nên tôi mới tin tưởng mà ký tên. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi trả cho bà H số tiền 97.800.000đ tôi không đồng ý. Vì tiền nợ này là tiền nợ của bà B vợ tôi nợ, tôi hoàn toàn không biết. Bởi tôi và vợ tôi đã ly thân hơn mười năm nay. Việc bà B có nợ nần bà H tôi hoàn toàn không biết. Do sau khi bà B chết bà H có đến năn nỉ tôi viết giấy thỏa thuận trả nợ để hụi viên làm tin nên tôi mới đồng ý viết. Nhưng thực chất tôi không có nợ bất cứ tiền gì của bà H nên không đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn T có lời trình bày như sau: Tôi đồng ý trả số tiền nợ cho bà H, nhưng không có khả năng trả số nợ này một lần, nên yêu cầu được trả dần số tiền nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H xác định đây là quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản" theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự; Bị đơn Nguyễn Văn T có địa chỉ tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quang N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Trần Thị H có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền 97.800.000đ, căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính giấy viết tay số tiền 99.900.000đ, do ông Nguyễn Văn T viết và hẹn trả dần hàng tháng. Tuy nhiên do sau đó ông T không tiếp tục thực hiện việc trả nợ dần như đã cam kết trong biên nhận nợ, nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 97.800.000đ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T có văn bản trình bày như sau: Tôi có ký tên vào giấy thỏa thuận hẹn trả tiền với bà H nhưng thực tế tôi không có vay hay nợ tiền gì của bà H. Do sau khi vợ tôi là Nguyễn Thị Bé chết thì bà H có đến gặp tôi nói rằng khi còn sống bà B có tham gia chơi hụi và có nhờ bà H vay tiền dùm số tiền 45.000.000đ, nên còn nợ lại bà H số tiền 99.900.000đ. Bà H có yêu cầu tôi ký tên hứa trả số tiền này hàng tháng, sau đó tôi có trả cho bà H được số tiền 2.100.000đ và không còn khả năng trả nợ tiếp. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà H số tiền 97.800.000đ, ông T cũng đồng ý trả, nhưng không có khả năng trả một lần, nên ông yêu cầu được trả dần.

Xét thấy, nội dung và chữ ký tại biên nhận trên đã được bị đơn Nguyễn Văn T thừa nhận, đồng thời yêu cầu được trả dần số nợ còn thiếu lại là 97.800.000đ. Tuy nhiên đối với thời gian và số tiền xin trả dần của ông T thì ông không trình bày cụ thể xin trả dần số tiền trả và trả trong thời gian bao lâu. Đối với yêu cầu xin trả dần trên của bị đơn không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông N đồng ý, nên hội đồng xét xử không thể ghi nhận. Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H là có căn cứ để chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền còn nợ là 97.800.000đ, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 là người cao tuổi và có đơn xin miễn đóng án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 357, Điều 166, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 97.800.000đ (Chín mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Việc trả tiền thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.445.000đ theo biên lai thu số 0016772 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND H.Cai Lậy*;
- *Chi cục THADS H.Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Thoa